



# 1115 Series

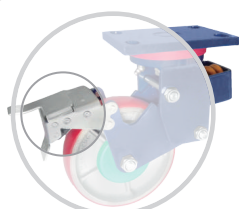
## BÁNH XE LÒ XO (Loại phổ thông)

### 彈簧輪系列(常規)

- Là sản phẩm có bằng sáng chế của Dersheng, giúp chống xóc và tải nặng, có nhiều loại để lựa chọn. Gồm cangk thép dày và lò xo cao cấp, chất lượng và công nghệ sản phẩm đều vượt trội hơn những sản phẩm cùng loại trên thị trường.
- 屬得勝專利產品，避震，超重負載，多款供選擇。採用超厚板材及高級彈簧，品質、工藝明顯優於市場上同類產品。



### Đặc điểm 特色區



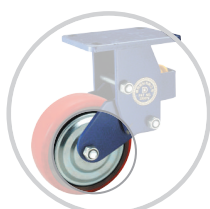
Khóa AK (Dành cho 4" 5" 6" 8")  
AK煞(For 4" 5" 6" 8")



Khóa BCD (Khóa giữa)(Dành cho 10")  
BCD煞(中煞)(For 10" only)



Các loại bánh xe PU có độ cứng khác nhau  
PU輪面可以變化硬度



Nắp chống bụi bằng kim loại  
cho bánh xe (tùy chọn)  
輪子可附金屬防塵蓋(供選擇)



Nắp chống bụi bằng nhựa  
cho bánh xe (tùy chọn)  
輪子可附塑膠防塵蓋(供選擇)



Ô bi  
滾珠軸承

### Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh PU lõi gang  
鐵芯聚氨酯



Bánh QPU  
QPU輪



Bánh QPU lõi nhôm  
鋁芯QPU



Bánh cao su NBR  
không lán vết lõi gang  
環保牽引NBR



Bánh cao su NBR lõi gang  
鐵芯NBR橡膠輪(叉車料)



Bánh EPU  
EPU輪



Bánh EQPU  
EQPU輪



Bánh VPU  
VPU輪



Bánh VQPU  
VQPU輪



Bánh Nylon  
尼龍輪



Bánh WMRC  
WMRC輪



» Quy cách lắp lắp 底板規格

| Kích cỡ bánh xe<br>腳輪尺寸 | Kích thước tấm lắp<br>底板尺寸         | Khoảng cách các lỗ lắp<br>底板孔距                                   | Kích thước bu lông<br>安裝尼帽尺寸 |
|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 4" 5" 6" 8"             | 110 x 140mm<br>(4-11/32" x 5-1/2") | 75 x 110 mm(2-15/16" x 4-11/32")<br>(Tấm lắp tiêu chuẩn)(常規標準底板) | 12 mm<br>(1/2")              |
|                         | 110 x 140mm<br>(4-11/32" x 5-1/2") | 80 x 105 mm(3-5/32" x 4-1/8")<br>(Tấm lắp kiểu Châu Âu)(歐洲底板)    | 12 mm<br>(1/2")              |
|                         | 130 x 165mm<br>(5-1/8" x 6-1/2")   | 100 x 130mm<br>(3-15/16" x 5-1/8")                               | 12 mm<br>(1/2")              |
|                         | 114 x 159mm<br>(4-1/2" x 6-1/4")   | 73.8 x 129.4mm<br>(2-29/32" x 5-3/32")                           | 12 mm<br>(1/2")              |
| 10"                     | 130 x 167mm<br>(5-1/8" x 6-9/16")  | 85 x 140mm<br>(3-11/32" x 5-1/2")                                | 12 mm<br>(1/2")              |

| <br>Đường kính<br>Bề rộng bánh xe<br>輪徑 x 輪寬 | <br>Tải trọng<br>載重 | <br>Vật liệu bánh xe<br>材質                         | Mã sản phẩm 型號     |                 |                     | <br>Ổ lăn bánh xe<br>軸承 | <br>Tổng chiều cao<br>總高 | <br>Bán kính xoay<br>迴旋半徑                                |
|----------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|--------------------|-----------------|---------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------|
|                                              |                     |                                                    | Càng cố định<br>固定 | Càng xoay<br>活動 | Có Phanh/Khóa<br>剎車 |                         |                          |                                                          |
| 100mm x 32mm<br>(4" x 1-1/4")                | 150 kgs (330 lbs)   | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                  | 1115-04-07-1       | 1115-04-07-2    | 1115-04-07-4        | Ổ bi<br>滾珠              | 198mm<br>(7-13/16")      | Xoay 96mm<br>活動 96mm<br><br>Khóa AK 164mm<br>AK煞 164mm   |
| 100mm x 36mm<br>(4" x 1-7/16")               | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                          | 1115-04-33-1       | 1115-04-33-2    | 1115-04-33-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh QPU lõi nhôm<br>鋁芯AQPU                        | 1115-04-87-1       | 1115-04-87-2    | 1115-04-87-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh QPU<br>QPU輪                                   | 1115-04-80-1       | 1115-04-80-2    | 1115-04-80-4        |                         |                          |                                                          |
| 100mm x 38mm<br>(4" x 1-1/2")                | 150 kgs (330 lbs)   | Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪 | 1115-04-90-1       | 1115-04-90-2    | 1115-04-90-4        | Ổ bi<br>滾珠              | 210mm<br>(8-9/32")       | Xoay 132mm<br>活動 132mm<br><br>Khóa AK 194mm<br>AK煞 194mm |
|                                              | 150 kgs (330 lbs)   | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪               | 1115-04-04-1       | 1115-04-04-2    | 1115-04-04-4        |                         |                          |                                                          |
| 125mm x 40mm<br>(5" x 1-9/16")               | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                  | 1115-05-07-1       | 1115-05-07-2    | 1115-05-07-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪 | 1115-05-90-1       | 1115-05-90-2    | 1115-05-90-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh QPU lõi nhôm<br>鋁芯AQPU                        | 1115-05-87-1       | 1115-05-87-2    | 1115-05-87-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                          | 1115-05-33-1       | 1115-05-33-2    | 1115-05-33-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪               | 1115-05-04-1       | 1115-05-04-2    | 1115-05-04-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh QPU<br>QPU輪                                   | 1115-05-80-1       | 1115-05-80-2    | 1115-05-80-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh EPU<br>EPU輪                                   | 1115-05-78-1       | 1115-05-78-2    | 1115-05-78-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 350 kgs (770 lbs)   | Bánh EQPU<br>EQPU輪                                 | 1115-05-81-1       | 1115-05-81-2    | 1115-05-81-4        |                         |                          |                                                          |
| 150mm x 40mm<br>(6" x 1-9/16")               | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪               | 1115-06-04-1       | 1115-06-04-2    | 1115-06-04-4        | Ổ bi<br>滾珠              | 225mm<br>(8-27/32")      | Xoay 146mm<br>活動 146mm<br><br>Khóa AK 200mm<br>AK煞 200mm |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                  | 1115-06-07-1       | 1115-06-07-2    | 1115-06-07-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪 | 1115-06-90-1       | 1115-06-90-2    | 1115-06-90-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh WMRC<br>WMRC輪                                 | 1115-06-45-1       | 1115-06-45-2    | 1115-06-45-4        |                         |                          |                                                          |
| 150mm x 42mm<br>(6" x 1-5/8")                | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                          | 1115-06-33-1       | 1115-06-33-2    | 1115-06-33-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh QPU lõi nhôm<br>鋁芯AQPU                        | 1115-06-87-1       | 1115-06-87-2    | 1115-06-87-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh QPU<br>QPU輪                                   | 1115-06-80-1       | 1115-06-80-2    | 1115-06-80-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh EPU<br>EPU輪                                   | 1115-06-78-1       | 1115-06-78-2    | 1115-06-78-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 400 kgs (880 lbs)   | Bánh EQPU<br>EQPU輪                                 | 1115-06-81-1       | 1115-06-81-2    | 1115-06-81-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 400 kgs (880 lbs)   | Bánh VPU<br>VPU輪                                   | 1115-06-82-1       | 1115-06-82-2    | 1115-06-82-4        |                         |                          |                                                          |
|                                              | 500 kgs (1100 lbs)  | Bánh VQPU<br>VQPU輪                                 | 1115-06-83-1       | 1115-06-83-2    | 1115-06-83-4        |                         |                          |                                                          |
| 150mm x 46mm<br>(6" x 1-13/16")              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪               | 1115-06-04-1       | 1115-06-04-2    | 1115-06-04-4        |                         |                          |                                                          |



|  Đường kính<br>Bề rộng bánh xe<br>輪徑 x 輪寬 |  Tải trọng<br>載重 |  Vật liệu bánh xe<br>材質 |  Mã sản phẩm 型號 |                 |                     |  Ổ lăn bánh xe<br>軸承 |  Tổng chiều cao<br>總高 |  Bán kính xoay<br>迴旋半徑 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                            |                                                                                                   |                                                                                                          | Càng cố định<br>固定                                                                               | Càng xoay<br>活動 | Có Phanh/Khóa<br>剎車 |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 200mm x 44mm<br>(8" x 1-3/4")                                                                                              | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1115-08-04-1                                                                                     | 1115-08-04-2    | 1115-08-04-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 280mm<br>(11-1/32")                                                                                      | Xoay 182mm<br>活動 182mm<br><br>Khóa AK 254mm<br>AK煞 254mm                                                  |
|                                                                                                                            | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR không lõi vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪                                                       | 1115-08-90-1                                                                                     | 1115-08-90-2    | 1115-08-90-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 200mm x 50mm<br>(8" x 2")                                                                                                  | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                                                                                | 1115-08-33-1                                                                                     | 1115-08-33-2    | 1115-08-33-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 350 kgs (770 lbs)                                                                                 | Bánh QPU<br>QPU輪                                                                                         | 1115-08-80-1                                                                                     | 1115-08-80-2    | 1115-08-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 350 kgs (770 lbs)                                                                                 | Bánh EPU<br>EPU輪                                                                                         | 1115-08-78-1                                                                                     | 1115-08-78-2    | 1115-08-78-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh EQPU<br>EQPU輪                                                                                       | 1115-08-81-1                                                                                     | 1115-08-81-2    | 1115-08-81-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh VPU<br>VPU輪                                                                                         | 1115-08-82-1                                                                                     | 1115-08-82-2    | 1115-08-82-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 550 kgs (1210 lbs)                                                                                | Bánh VQPU<br>VQPU輪                                                                                       | 1115-08-83-1                                                                                     | 1115-08-83-2    | 1115-08-83-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                                                                        | 1115-08-07-1                                                                                     | 1115-08-07-2    | 1115-08-07-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh WMRC<br>WMRC輪                                                                                       | 1115-08-45-1                                                                                     | 1115-08-45-2    | 1115-08-45-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 350 kgs (770 lbs)                                                                                 | Bánh QPU lõi nhôm<br>鋁芯AQPU                                                                              | 1115-08-87-1                                                                                     | 1115-08-87-2    | 1115-08-87-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 250mm x 62mm<br>(10" x 2-7/16")                                                                                            | 500 kgs (1100 lbs)                                                                                | Bánh QPU<br>QPU輪                                                                                         | 1115-10-80-1                                                                                     | 1115-10-80-2    | 1115-10-80-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 353mm<br>(13-29/32")                                                                                     | Xoay 213mm<br>活動 213mm                                                                                    |
|                                                                                                                            | 500 kgs (1100 lbs)                                                                                | Bánh VPU<br>VPU輪                                                                                         | 1115-10-82-1                                                                                     | 1115-10-82-2    | 1115-10-82-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 355mm<br>(14")                                                                                           |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 600 kgs (1320 lbs)                                                                                | Bánh VQPU<br>VQPU輪                                                                                       | 1115-10-83-1                                                                                     | 1115-10-83-2    | 1115-10-83-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 355mm<br>(14")                                                                                           |                                                                                                           |
| 250mm x 63mm<br>(10" x 2-1/2")                                                                                             | 350 kgs (770 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1115-10-04-1                                                                                     | 1115-10-04-2    | 1115-10-04-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 355mm<br>(14")                                                                                           | Khóa BCD 255mm<br>BCD煞 255mm                                                                              |
|                                                                                                                            | 350 kgs (770 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR không lõi vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪                                                       | 1115-10-90-1                                                                                     | 1115-10-90-2    | 1115-10-90-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 353mm<br>(13-29/32")                                                                                     |                                                                                                           |
| 254mm x 50mm<br>(10" x 2")                                                                                                 | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                                                                        | 1115-10-07-1                                                                                     | 1115-10-07-2    | 1115-10-07-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 353mm<br>(13-29/32")                                                                                     |                                                                                                           |
| 254mm x 62mm<br>(10" x 2-7/16")                                                                                            | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                                                                                | 1115-10-33-1                                                                                     | 1115-10-33-2    | 1115-10-33-4        | Ổ bi<br>滾珠                                                                                              | 353mm<br>(13-29/32")                                                                                     |                                                                                                           |